

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT

Ngày: 20-11-2019

"V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển  
tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyết.

*Các thẩm phán:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện và ông Trần Hữu Hiệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vụ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân (Viết tắt là TAND) tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-KDTM ngày 09/10/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản”. Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/8/2019 của TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐPT-KDTM ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu và Thương mại S.

Trụ sở: Cụm T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhữ Ngọc Ng, chức vụ: Giám đốc- Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Ông Vũ Đình N; sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương- Có mặt.

**3. Người làm chứng:** Ông Vũ Hữu H; sinh năm 1965; địa chỉ: P3, T, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu và thương mại S (sau đây gọi tắt là Công ty S), do ông Nhữ Ngọc Ng - Giám đốc đại diện theo pháp luật trình bày:**

Công ty S được thành lập hợp pháp, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật là buôn bán lâm sản, xây dựng công trình.

Ngày 15/12/2017, tại Văn phòng Công ty S, Công ty S do ông Ng đại diện đã ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa là sập gỗ với ông Vũ Đình N- là cá nhân có đăng ký kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện từ hai bên. Trong hợp đồng bằng văn bản được ký kết không nêu đầy đủ

các điều khoản nên đã được hai bên thỏa thuận bổ sung bằng miệng và bằng phiếu giao hàng, tin nhắn điện thoại. Nội dung hợp đồng (đã được bổ sung) giữa hai bên như sau:

Công ty S thuê ông Vũ Đình N vận chuyển 4 tấm gỗ (Sập gỗ) có mặt rộng 2m, dài 5m, có nguồn gốc nhập khẩu từ Nam Phi. Tổng trị giá là 450.000.000đ từ kho của Công ty S ở Cụm T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương đến địa chỉ: P3 T, quận x, TP. Hồ Chí Minh giao cho ông Vũ Hữu H, sinh năm 1965 trú tại địa chỉ trên với cước phí vận chuyển trọn gói là 11.000.000đ. Nếu để mất tài sản vận chuyển bên vận chuyển phải bồi thường.

Về thực hiện hợp đồng: Ngày 15/12/2017, ông Vũ Đình N đã nhận 04 miếng sập gỗ nêu trên cùng toàn bộ hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc hàng hóa theo quy định để ông N cầm theo trong quá trình vận chuyển hàng hóa. Đến ngày 18/12/2017, ông N vào đến TP. Hồ Chí Minh, nhưng không giao hàng cho ông H như đã thỏa thuận mà tự ý giao cho một người khác. Khi đang giao hàng ông Nghiệp biết sự việc đã yêu cầu ông N không được giao hàng mà phải lấy lại hàng để giao cho ông H nhưng do ông N nói nếu mất hàng thì sẽ đền. Mặt khác do ông N đã giao hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc hàng hóa cho người nhận hàng nên ông Ng không còn cách nào khác buộc phải đồng ý cho người mua hàng chuyển 230.000.000đ vào tài khoản của Công ty S và 220.000.000đ vào tài khoản của bà Vũ Thị N (vợ của ông Ng). Ông Ng còn yêu cầu ông N phải ở lại trông hàng khi nào ông nhận được tiền mới được về. Khoảng trưa ngày 20/12/2019, ông Ng thông báo cho ông N đã nhận được tiền và bảo ông N về nhưng được khoảng vài phút sau thì ông Ng kiểm tra lại thì phát hiện chỉ nhận được 450.000đ mà không phải 450.000.000đ nên ông Ng điện cho ông N nói đã bị lừa và yêu cầu ông N lấy lại gỗ nhưng sau đó ông N nói người đại diện Công ty cổ phần xuất nhập khẩu M (Viết tắt là Công ty M) không trả gỗ vì đã mua gỗ của ông Q, không mua của Công ty S. Sau đó ông Ng đã vào TP. Hồ Chí Minh giải quyết. Ông Ng đã đến Công an phường T làm đơn tố giác tội phạm, cùng cán bộ Công an phường đến Công ty M làm việc. Khi đó tại kho của Công ty M vẫn còn 04 tấm gỗ của Công ty S. Cán bộ Công an đã tiến hành niêm phong gỗ và thu giữ hồ sơ, giấy tờ mà ông N đã giao cho họ. Tuy nhiên sau này ông được cán bộ điều tra của Công an quận T cho biết toàn bộ biên bản niêm phong, biên bản làm việc ban đầu đã bị mất và toàn bộ số gỗ đã bị Công ty M tẩu tán, bán hết. Như vậy do ông N không giao gỗ đúng theo thỏa thuận ban đầu dẫn đến mất toàn bộ hàng hóa. Nay Công ty S yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng vận chuyển và buộc ông N phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Cụ thể:

- Thiệt hại do mất 04 miếng sập gỗ mặt rộng 02m là 449.550.000đ (450.000.000đ tiền hàng hóa trừ đi 450.000đ nhận được từ tài khoản).

- Tiền chi phí ông Ng phải đi vào TP. Hồ chí Minh để giải quyết sự việc đòi lại số gỗ, nhưng không thành là 10.500.000đ. Ngoài ra trong đơn khởi kiện, Công ty S còn yêu cầu bồi thường khoản tiền lợi nhuận bị thiệt hại dự kiến và khoản tiền lãi do chậm trả khoản bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty S đã tự nguyện không yêu cầu bồi thường các khoản này.

Đối với yêu cầu phản tố của ông N yêu cầu Công ty S trả 11.000.000đ phí vận chuyển, Công ty S không chấp nhận.

**Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Vũ Đình N trình bày như sau:** Ông thừa nhận giữa hai bên có hợp đồng vận chuyên, nội dung như ông Ng trình bày là đúng nhưng lúc đầu chỉ là hợp đồng bằng miệng, chỉ sau khi mất hàng ông Ng mới viết bản hợp đồng bằng văn bản. Ông cũng thừa nhận giá trị tài sản vận chuyên là 450.000.000đ, người nhận tài sản là ông Vũ Hữu H, địa chỉ nhận là ở P3, T, quận x, TP. Hồ Chí Minh. Về phần thực hiện hợp đồng vận chuyên, sau khi nhận hàng ngày 15/12/2017 tại kho hàng của Công ty S đến sáng ngày 18/12/2017, xe của ông đã vào đến TP. Hồ Chí Minh nhưng do ông không điện thoại được cho ông H và lại muốn giao hàng ngay nên khi nhìn thấy có 01 số điện thoại viết trên hồ sơ đi kèm của lô hàng hóa mà ông nhận từ Công ty S. Ông nghĩ rằng người có số điện thoại này có thể nhận được số hàng hóa. Ông đã không điện thoại về hỏi ý kiến của ông Ng mà tự quyết định gọi cho số điện thoại này và hỏi xem người nghe có phải là người nhận số hàng hóa này không thì người này đồng ý và hướng dẫn ông đến một kho hàng tại quận x, TP. Hồ Chí Minh. Ông cho xe đến kho hàng theo chỉ dẫn và bốc hàng xuống kho hàng này (sau này ông biết được đó là kho hàng của Công ty M ở quận x, TP. Hồ Chí Minh), đồng thời giao hồ sơ hàng hóa đi kèm trong đó có số tài khoản của Công ty S cho bên nhận hàng để làm thủ tục thanh toán tiền hàng cho Công ty S. Khi cho bốc hàng xuống kho, ông đã điện thoại thông báo cho ông Ng về việc giao hàng. Ông Ng ban đầu không đồng ý và yêu cầu ông phải bốc hàng lên giao cho ông H và có hỏi ông về tập hồ sơ, giấy tờ kèm theo lô hàng, ông trả lời là đã giao cho người nhận để họ chuyển tiền vào tài khoản của Công ty S. Sau đó, ông đã trực tiếp dùng điện thoại của mình để ông Ng nói chuyện với người nhận hàng thì ông Ng đã đồng ý để ông giao hàng cho người này và ông Ng cũng yêu cầu ông phải ở lại trông hàng đến khi nào Công ty S nhận được đủ tiền thì mới được để lại hàng và ra về. Do tin tưởng đã giao đúng hàng cho người có thể nhận hàng, bởi vì người mà ông giao là người có số điện thoại ghi ở ngay tập hồ sơ đi kèm hàng hóa. Mặt khác bản thân mình vẫn trực tiếp ở kho hàng trông hàng, đồng thời người nhận hàng còn nói là cứ để hàng ở kho nếu đến tầm 9 giờ sáng ngày hôm sau mà Công ty S không nhận đủ tiền thì ông lại lấy lại hàng, nên ông tin tưởng chắc chắn không thể nào mất hàng được và ông đã cam kết với ông Ng là nếu để mất hàng thì sẽ đền. Sau đó, ông đã cho bốc hết hàng xuống kho và ở tại kho hàng trông hàng cho đến sáng hôm sau thì ông Ng điện vào thông báo là “đã nhận được tiền rồi, về đi thôi”, nhưng sau đó khoảng 15 phút, khi ông định ra về thì ông Ng lại điện vào nói là “bị lừa rồi, họ chỉ chuyển có 450.000đ, không phải là 450.000.000đ” và yêu cầu ông ở lại để đợi ông Ng vào giải quyết. Sau đó, ông Ng vào TP. Hồ Chí Minh cùng ông đi tố cáo về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ông cho rằng, việc giao hàng vào kho của Công ty M là đã được sự đồng ý của ông Ng, nên những sự việc diễn ra sau khi ông đã giao hàng như thanh toán tiền như thế nào, mất mát hàng ra sao thì ông không phải chịu trách nhiệm. Mặt khác, trên thực tế ông còn ở lại trông coi tài sản theo yêu cầu của ông Ng và sau này ông Ng đã vào TP. Hồ Chí Minh, được tận mắt nhìn thấy hàng rồi, nên trong việc mất tài sản, ông không đồng ý bồi thường cho Công ty S.

Ngày 15/10/2018, TAND huyện Bình Giang thụ lý yêu cầu phản tố của ông Vũ Đình N với nội dung ông N yêu cầu Tòa án buộc Công ty S phải trả cho ông tiền cước vận chuyên là 11.000.000đ như hợp đồng đã giao kết.

Ông Vũ Hữu H trình bày: Ông có quan hệ làm ăn với ông Ng và có kho hàng to, rộng ở P3, T, Quận x, TP. Hồ Chí Minh. Ông Ng với ông đã thống nhất là ông Ng sẽ chuyển gỗ của Công ty S vào kho hàng của ông để ở đó. Còn khách hàng nào muốn mua gỗ, ông Ng sẽ giới thiệu vào kho của ông H để trực tiếp xem xét, quyết định việc mua. Do vậy, ông Ng đã thuê lái xe là ông N chở gỗ vào giao cho ông. Ông cũng được ông Ng thông báo cho biết về việc nhận gỗ, tuy nhiên ông N đã không liên lạc với ông và cũng không giao hàng cho ông.

Công an quận x, TP. Hồ Chí Minh cung cấp Biên bản lấy lời khai của ông Hồ Văn T- Giám đốc Công ty M. Ông T khai: Công ty M không hề nhận/mua hàng hóa nào từ Công ty S. Số gỗ Công ty M nhập kho ngày 19/12/2017 là do Công ty M đã mua của ông Vũ Ngọc Q là giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại V N G L, đã thanh toán 430.000.000đ, còn 110.000.000đ sẽ thanh toán khi nhận được đầy đủ hóa đơn. Ngày 05/3/2018, Công ty M đã bán toàn bộ số gỗ trên với giá 600.000.000đ cho một người không rõ tên, địa chỉ.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh B cung cấp: Công ty S và bà Vũ Thị N (vợ ông Ng) nhận được tổng cộng số tiền 450.000đ là do một khách hàng vãng lai sử dụng tiền mặt để chuyển trực tiếp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh A vào tài khoản của Công ty S 220.000đ và chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Vũ Thị N (là vợ của ông Ng) số tiền 230.000đ, tổng là 450.000đ.

Tại bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/8/2019, TAND huyện Bình Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 117, khoản 1, 2 Điều 423, Điều 426, Điều 530, khoản 1 Điều 541, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 303 Luật thương mại 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Hủy hợp đồng vận chuyển ngày 15/12/2017 giữa Công ty S với ông Vũ Đình N.

Buộc ông N phải bồi thường thiệt hại cho Công ty S giá trị hàng hóa bị mất là 449.550.000đ.

Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty S về việc không yêu cầu bồi thường chi phí đi lại để giải quyết đòi tài sản, khoản tiền lợi nhuận bị thiệt hại dự kiến và khoản tiền lãi do chậm trả khoản bồi thường.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Đình N về việc buộc Công ty S phải trả 11.000.000đ tiền phí vận chuyển.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23/8/2019, ông Vũ Đình N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang kháng nghị yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang được thực hiện trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang hủy bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[3] Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Bình Giang chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm rõ các tình tiết của vụ án dẫn đến việc đánh giá chứng cứ còn chưa khách quan, toàn diện: Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu Công ty S cung cấp hợp đồng, chứng từ hóa đơn bán hàng lưu tại Công ty S để làm rõ Công ty S bán gỗ cho ông Q hay Công ty M. Chưa ghi được lời khai ông Vũ Ngọc Q, chưa thu thập chứng cứ tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại V N G L để xác định Công ty này có bán gỗ cho Công ty M không. Chưa thu thập đầy đủ hồ sơ đã thu thập được của Công an quận x, TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với số gỗ bị mất của Công ty S. Chưa xác định được người gửi số tiền 450.000đ vào tài khoản của Công ty S và bà Vũ Thị N (vợ ông Ng). Do đó chưa có cơ sở để xác định lỗi của các bên đương sự trong vụ án. Những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[4] Mặt khác, sau khi xảy ra việc mất gỗ, ông Ng đã có đơn tố giác tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an quận x, TP. Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết. Ngày 04/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận 12, TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 281/TB truy tìm đối tượng Vũ Ngọc Q. Ngày 22/7/2019, TAND huyện Bình Giang đã có Công văn số 256/CV-TA gửi Công an quận x, TP. Hồ Chí Minh đề nghị cho biết kết quả giải quyết tố giác tội phạm của ông Ng. Đến ngày 22/8/2019, mặc dù chưa nhận được kết quả trả lời của Công an quận x nhưng TAND huyện Bình Giang vẫn đưa vụ án ra xét xử. Sau khi vụ án được xét xử, ngày 26/8/2019, Công an quận x gửi Công văn số 2342/CV ngày 12/8/2019 trả lời TAND huyện Bình Giang với nội dung: *“Ngày 23/4/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận x nhận được đơn tố giác tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của ông Nhữ Ngọc Ng tố giác, xảy ra tại phường T, quận x do Công an quận T chuyển. Qua xác minh, nhận thấy đã có hành vi lừa đảo ông Nhữ Ngọc Ng để chiếm đoạt 4 tấm gỗ lim với giá 450.000.000đ. Hành vi này có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy, ngày 10/01/2019, CQCSĐT Công an quận x đã ra Quyết định khởi tố vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ. Đến nay CQCSĐT Công an quận x chưa xác định bị can của vụ án nên CQCSĐT đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra số 347 ngày 12/8/2019, khi nào xác định được bị can hoặc có tình tiết mới sẽ phục hồi điều tra theo quy định”*. Như vậy lẽ ra trong trường này, TAND huyện Bình Giang cần phải chờ kết quả giải quyết của các cơ quan tố tụng quận x, TP. Hồ Chí Minh mới giải quyết vụ án nhưng đã đưa vụ án ra giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đình N.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị hủy nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, hủy bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Ông Vũ Đình N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Vũ Đình N số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005414 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/11/2019).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Bình Giang;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THA huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Quyết**